TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23/01/2025
"V*/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chung
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Lê Thị Minh Khánh
2.Ông Ngô Văn Bê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 23/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2024/TB-TLST ngày 06/11/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: Chị Phạm Thị Hoài T; sinh năm : 1999 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

***Bị đơn**: Anh Ngô Văn D, sinh năm: 1999 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
(Hiện đang lao động tại nước ngoài).

+**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**
Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 18/10/2024, nguyên đơn là chị Phạm Thị Hoài T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn D đăng ký kết hôn ngày 29/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh D làm dâu và chung sống cùng gia đình anh D, thời gian đầu sau khi mới kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và từ tháng 7/2023 anh D đã sang Đài L làm ăn, thời gian đầu vợ chồng còn liên lạc nói chuyện với nhau, sau do khoảng cách địa lý nên vợ chồng luôn cãi nhau qua điện thoại và kể từ tháng 9/2023 vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm tới nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn D.

Về con chung: chị và anh D có 02 con chung là cháu Ngô Đức H1, sinh ngày 24/12/2018 và cháu Ngô Ngọc Á, sinh ngày 23/11/2021. Hiện nay, các cháu đang ở với anh D và bà nội là bà Nguyễn Thị H. Ly hôn chị đề nghị giao cả hai con chung cho anh D nuôi dưỡng và trong thời gian anh D ở nước ngoài thì giao hai cháu cho bà Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong trường hợp anh D không nhận nuôi dưỡng con chung thì chị đồng ý nhận nuôi dưỡng chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung*:* không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc nên chị không tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh D được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh D.

Bị đơn là anh Ngô Văn D hiện đang lao động tại nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh D, đến nay Tòa án không nhận được thông tin của anh D.

+Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ anh D) trình bày: bà là mẹ đẻ của anh Ngô Văn D. Anh Dũng hiện nay không có mặt tại địa phương, anh D đang làm việc tại Đài Loan. Anh Dũng ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình qua điện thoại, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ

thể. Về địa chỉ của anh D ở nước ngoài thì bà không được biết nên không cung cấp cho Tòa án án được. Chị T có đơn xin ly hôn với anh D thì quan điểm của anh D là đồng ý ly hôn với chị T. Vợ chồng anh D và chị T có 2 con chung là cháu Ngô Đức H1, sinh ngày 24/12/2018 và cháu Ngô Ngọc Á, sinh ngày 23/11/2021. Hiện nay, các cháu đang ở với anh D. Ly hôn anh D đồng ý nhận nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu chị T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/1 cháu/1 tháng kể từ khi xét xử sơ thẩm đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

+Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: bà là bà nội của cháu Ngô Đức H1, sinh ngày 24/12/2018 và cháu Ngô Ngọc Á, sinh ngày 23/11/2021 kể từ khi anh D đi nước ngoài thì các cháu vẫn ở với bà. Anh Dũng vẫn thường xuyên quan tâm và gọi điện hỏi han, chu cấp cho các cháu. Khi Tòa án gải quyết việc ly hôn của vợ chồng anh D chị T, bà đề nghị Tòa án giao hai cháu cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và bà đồng ý nhận nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu trong thời gian anh D ở nước ngoài. Về cấp dưỡng nuôi các cháu bà đề nghị chị H2 phải cấp dưỡng nuôi các cháu là 1.500.000 đồng/1 tháng/1 cháu kể từ khi xét xử sơ thẩm đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị T, bà H xin vắng mặt giữ nguyên ý kiến. Anh Ngô Văn D vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày gì.

Thẩm phán thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị T, bà H; và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu:

-Việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83, Điều 104 và khoản 2 điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hoài T. Xử cho chị Phạm Thị Hoài T được ly hôn anh Ngô Văn D.

Về con chung: giao cháu Ngô Đức H1, sinh ngày 24/12/2018 và cháu Ngô Ngọc Á, sinh ngày 23/11/2021 cho anh Ngô Văn D nuôi dưỡng, chăm sóc. Nhưng tạm giao cháu Ngô Đức H1 và cháu Ngô Ngọc Á cho bà Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh Ngô Văn D ở nước ngoài.

Về cấp dưỡng nuôi con: buộc chị Phạm Thị Hoài T phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Ngô Đức H1 và cháu Ngô Ngọc Á cho anh D mỗi cháu 1.500.000đ/1 tháng/1 cháu kể từ ngày tuyên án xét xử sơ thẩm đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Phạm Thị Hoài T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng**: chị Phạm Thị Hoài T là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Hoài T và bà Nguyễn Thị H.

Đối với bị đơn anh Ngô Văn D vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của anh D để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà H thông báo cho anh D biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" giữa chị Phạm Thị Hoài T và anh Ngô Văn D; yêu cầu anh D viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà H cung cấp địa chỉ cụ thể của anh D ở nước ngoài. Bà Nguyễn Thị H trình bày: anh D vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, bà H vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh D cho Tòa án. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Điều 10 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xét xử vắng mặt bị đơn anh Ngô Văn D theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: chị Phạm Thị Hoài T là nguyên đơn có đơn xin ly anh Ngô Văn D, anh D hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 26101/QLXNC-P3 v/v cung cấp thông tin xuất, nhập cảnh ngày 31/10/2024 của Cục Q Bộ C), thì anh D đã xuất cảnh ngày 02/7/2023 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Như vậy, đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về con chung" có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**3]. Về hôn nhân**: Chị Phạm Thị Hoài T và anh Ngô Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang, được Ủy ban nhân dân xã Y cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh D. Xem xét đơn khởi kiện của chị T, Hội đồng xét xử thấy chị T xác định hiện nay vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống chị và anh D đã không còn liên lạc gì với nhau. Hiện nay vợ chồng không còn liên lạc và quan tâm gì tới nhau nữa, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Xử cho chị T được ly hôn anh D.

[**4]. Về con chung**: Chị Phạm Thị Hoài T và anh Ngô Văn D có 02 con chung là cháu Ngô Đức H1, sinh ngày 24/12/2018 và cháu Ngô Ngọc Á, sinh ngày 23/11/2021. Hiện nay các cháu đang ở với anh D và ông bà nội. Ly hôn chị T đề nghị giao cả 2 cháu cho anh D nuôi dưỡng. Trong trường hợp anh D không nhận nuôi dưỡng hai cháu thì chị đồng ý nhận nuôi dưỡng hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không đề nghị giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hoài T về yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: Kể từ khi anh D đi nước ngoài lao động đến nay thì các cháu Ngô Đức H1 và cháu Ngô Ngọc Á vẫn ở cùng với ông bà nội (bố mẹ anh D) các cháu được ông bà chăm sóc, phát triển bình thường, được đi học đầy đủ, anh D vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bố mẹ anh để nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu, chị T cũng đề nghị giao con chung cho anh D nuôi dưỡng. Do đó, cần giao cháu Ngô Đức H1 và cháu Ngô Ngọc Á cho anh Ngô Văn D nuôi dưỡng là

có căn cứ phù hợp với điều kiện thực tế và tránh xáo trộn cuộc sống bình thường của các cháu.

Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hoài T về con chung. Giao con chung là cháu Ngô Đức H1, sinh ngày 24/12/2018 và cháu Ngô Ngọc Á, sinh ngày 23/11/2021 cho anh Ngô Văn D là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Tuy nhiên hiện nay anh Ngô Văn D đang đi lao động tại nước ngoài nên cần tạm giao cho bà Nguyễn Thị H chăm sóc các cháu trong thời gian anh D ở nước ngoài.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh D có yêu cầu nên buộc chị Phạm Thị Hoài T phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Ngô Đức H1 và cháu Ngô Ngọc Á cho anh D mỗi cháu 1.500.000đ/1 tháng/1 cháu kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Sau khi ly hôn chị Phạm Thị Hoài T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Trường hợp chị T có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị Phạm Thị Hoài T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Phạm Thị Hoài T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang, chị T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, Điều 104 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1.Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Hoài T được ly hôn với anh Ngô Văn D.

2.Về con chung: Giao cho anh Ngô Văn D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Ngô Đức H1, sinh ngày 24/12/2018 và cháu Ngô Ngọc Á, sinh ngày 23/11/2021 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Ngô Đức H1 và cháu Ngô Ngọc Á cho bà Nguyễn Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các cháu trong thời gian anh Ngô Văn D ở nước ngoài.

Chị Phạm Thị Hoài T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Phạm Thị Hoài T phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Ngô Đức H1 và cháu Ngô Ngọc Á cho anh D mỗi cháu 1.500.000đ/1 tháng/1 cháu kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/01/2025) đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

4**. Về lãi suất chậm thi hành án**: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Hoài T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000165 ngày 06/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Chị Phạm Thị Hoài T còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

6.**Về quyền kháng cáo bản án**:

Chị Phạm Thị Hoài T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Ngô Văn D hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại Hà Nội
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
-Các đương sự;
-Cổng thông tin điện tử TANDTC
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦTỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Chung